

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8543**/STC-QLNS
V/v hướng dẫn một số điểm về tổ
chức thực hiện dự toán NSNN
năm 2021

Hà Nội, ngày **29** tháng 12 năm 2020

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Các hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã.

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội;

Để triển khai thực hiện dự toán thu chi NSNN năm 2021 đạt kết quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, Sở Tài chính đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, UBND các quận, huyện, thị xã nghiên cứu kỹ và triển khai thực hiện đầy đủ các quy định và hướng dẫn về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021 nêu trên. Ngoài ra, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021 như sau:

I. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với các cấp ngân sách

Thực hiện quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/6/2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021, năm 2021 sẽ tiếp tục thực hiện ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương như giai đoạn 2017-2020, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã tiếp tục được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố, Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định tỷ lệ phần trăm phân chia một số khoản thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, trong đó thực hiện: (i) Ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân

sách cấp Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã. (ii) Nộp về ngân sách cấp Thành phố toàn bộ số tiền thu được từ khoản thu tương đương giá trị quỹ đất dành để xây dựng nhà ở xã hội theo giá đất mà chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để Thành phố thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. (iii) Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách quận, huyện, thị xã được giữ ổn định như giai đoạn 2017-2020. Đối với các quận tự cân đối ngân sách, Thành phố không bổ sung kinh phí tăng định mức chi khác theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND.

Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất trong dự toán ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

II. Giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước

- Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách Thành phố giao. Trường hợp có các khoản thu giao cao hơn (nhất là đối với thu tiền sử dụng đất) cần đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, không làm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách, dự toán và kế hoạch vốn đã giao đầu năm cho các dự án, nhiệm vụ chi và dành 70% số tăng thu thêm so với Thành phố giao để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định (không kể tăng thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản tại xã).

- Việc giao dự toán thu ngân sách phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn phát sinh, các khoản thu nợ, giãn nợ năm 2020 chuyển sang và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2020; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, hoàn thuế theo quy định, chống thất thu thuế, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tích cực đôn đốc thu hồi nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

2. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

2.1. Về chi đầu tư phát triển

Các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã thực hiện và phân bổ kế hoạch đầu tư công theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; kế hoạch đầu tư công năm 2021 của UBND Thành phố đã được HĐND Thành phố thông qua, trong đó:

a) Đối với chi xây dựng cơ bản của ngân sách cấp Thành phố:

- Căn cứ kế hoạch được UBND Thành phố giao, các cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư triển khai giao nhiệm vụ cho các đơn vị quản lý dự án và tập trung chỉ đạo đơn vị quản lý dự án ngay từ những ngày đầu năm theo các quy định về

quản lý đầu tư xây dựng. Phối hợp với các ngành liên quan triển khai công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ nhà tái định cư... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Triển khai kịp thời các thủ tục về cấp mã dự án đầu tư, mã quan hệ ngân sách để Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán qua hệ thống Tabmis theo quy định của Bộ Tài chính.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư thực hiện theo danh mục và mức vốn được giao theo kế hoạch, không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

- Đối với các dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành: trên cơ sở quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền và nhu cầu vốn thanh quyết toán cần bố trí, các sở, ban, ngành, chủ đầu tư dự án đề nghị Sở Tài chính thông báo kế hoạch vốn thanh quyết toán. Trên cơ sở nguồn vốn thanh quyết toán được UBND Thành phố bố trí giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội và đề nghị của các sở, ban, ngành, chủ đầu tư dự án, Sở Tài chính thông báo kế hoạch vốn thanh quyết toán, gửi Kho bạc Nhà nước Hà Nội làm cơ sở giải ngân, thanh toán và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Thành phố phê chuẩn, quyết định trước ngày 15/11/2021 để làm cơ sở quyết toán niên độ ngân sách năm 2021.

b) Đối với chi xây dựng cơ bản của các quận, huyện, thị xã:

- Thực hiện việc phân bổ kế hoạch đầu tư công theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư công và dự toán chi đầu tư năm 2021 được UBND Thành phố giao.

- UBND các quận, huyện, thị xã phân bổ dự toán chi đầu tư công tập trung, không dàn trải và đảm bảo nguyên tắc: bố trí đủ vốn ngay từ đầu năm để hoàn ứng và thanh toán khối lượng đã thi công hoàn thành vượt kế hoạch năm 2020 đã giao thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện; phần vốn còn lại mới tiếp tục phân bổ các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2021, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021; không bố trí dự án khởi công mới nếu chưa bố trí đủ vốn cho thanh toán nợ xây dựng cơ bản, dự án chuyển tiếp theo tiến độ quy định và khả năng thực hiện; cân đối bố trí đủ vốn thực hiện các dự án theo phân cấp đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐND Thành phố quyết nghị.

- Rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ xây dựng cơ bản; thực hiện nghiêm các biện pháp tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới: chỉ phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, khi phê duyệt dự án mới hoặc điều chỉnh tổng mức đầu tư phải thực hiện việc thẩm định nguồn và khả năng bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao, không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí, không tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn.

- Đối với các huyện còn nợ xây dựng cơ bản: thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND Thành phố về xử lý nợ xây dựng cơ bản; sử dụng toàn bộ nguồn ngân sách cấp huyện cho đầu tư phát triển, nguồn vốn tăng thu, thường vượt thu, kết dư,

vốn đầu giá quyền sử dụng đất để xử lý nợ xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp huyện và cấp xã. Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố về việc không thực hiện triệt để xử lý nợ xây dựng cơ bản và phát sinh nợ mới.

- Đối với vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: căn cứ nguyên tắc hỗ trợ đầu tư thực hiện kiên cố hoá giao thông, thủy lợi nội đồng đã được UBND Thành phố chỉ đạo tại Văn bản số 4932/UBND-NNNT ngày 17/7/2015, các huyện, thị xã chỉ đạo công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản tại địa phương. Chỉ triển khai dự án khi đảm bảo nguồn vốn ngân sách và huy động; ưu tiên hỗ trợ các xã đăng ký; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các xã sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và chủ động cân đối ngân sách cấp huyện (ngoài phần hỗ trợ của Thành phố) đảm bảo hoàn thành kế hoạch về xây dựng nông thôn mới Thành phố giao.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các huyện có tổng mức đầu tư lớn hơn mức vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ, ngân sách cấp huyện cân đối, bố trí phần còn lại để thực hiện hoàn thành dự án đảm bảo tiến độ.

- Các quận, huyện, thị xã chủ động cân đối, bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương theo phân cấp để đầu tư hoặc hoàn trả kinh phí đã ứng từ Quỹ Đầu tư phát triển (nếu có) cho các dự án GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn.

2.2. Về chi thường xuyên

- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc phải đảm bảo khớp đúng dự toán Thành phố giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành, nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và những nhiệm vụ đã được Thành phố quyết định.

- Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021: các cấp ngân sách, đơn vị dự toán thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn, bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo các chính sách, chế độ đã ban hành, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội và tiền lương; đảm bảo hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp theo quy định; triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Rà soát kỹ các nhiệm vụ chi ngoài định mức khoán

chi, không bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chưa thật sự cấp bách, hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài,... Chủ động bố trí dự toán 2021 thực hiện các chính sách, nhiệm vụ mới phát sinh của Thành phố.

- Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính (trong đó, bao gồm UBND cấp xã) theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Về triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập: các sở, ban, ngành thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

- Đẩy nhanh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí (trừ dịch vụ sự nghiệp công đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá) để chuyển đổi hình thức giao dự toán sang hình thức đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, từ đó nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị (đặc biệt là các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, bảo trợ xã hội).

- Tập trung chỉ đạo các bộ phận tham mưu rà soát và khai thác các nguồn thu sự nghiệp, giảm và tiết kiệm chi thường xuyên để xây dựng phương án nâng mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tăng dần qua các năm và đảm bảo hoàn thành trước hoặc theo lộ trình.

- Chủ động sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đảm bảo bộ máy tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, tăng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. Nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tài sản công của đơn vị; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài chính, tài sản công, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; hoàn thiện chế độ kế toán, thực hiện chế độ kiểm toán, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động tài chính của đơn vị.

- Đối với các đơn vị có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khẩn trương xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện, tăng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

- Kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2021, phân loại đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách đảm bảo hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi ngân sách nhà

nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cơ chế tự chủ thì tạm phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên; các đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31/3/2021. Trên cơ sở phương án được duyệt, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất điều chỉnh dự toán cho phù hợp.

- Đối với các dịch vụ công ích (vệ sinh môi trường, cấp thoát nước, cây xanh, chiếu sáng,...): bố trí ngân sách theo quy trình, định mức, đơn giá đã được phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định về phân cấp quản lý và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của Thành phố; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

- Việc mua sắm tài sản phải đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng, đơn vị có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để thực hiện mua sắm theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 14/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

a) Đối với các sở, ban, ngành:

- Phân bổ, giao dự toán chi các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính đảm bảo kinh phí thực hiện những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ Trung ương và Thành phố đã quyết định, bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành. Đồng thời đảm bảo yêu cầu chi tiêu ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đủ nguồn để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

b) Đối với các quận, huyện, thị xã:

- Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương không thấp hơn mức dự toán Thành phố đã giao. Đối với chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, UBND quận, huyện, thị xã căn cứ dự toán UBND Thành phố giao, khối lượng nhiệm vụ phải thực hiện theo Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường, kết quả đấu thầu và căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, trình HĐND cùng cấp quyết định cho phù hợp; sau khi đã đảm bảo các nhiệm vụ chi sự nghiệp theo quy định, UBND quận, huyện, thị xã trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí sự

nghiệp bảo vệ môi trường cho các nhiệm vụ có tính chất đầu tư đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Trong phân bổ và giao dự toán, các quận, huyện, thị xã thực hiện theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố và Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND Thành phố đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; căn cứ dự toán ngân sách Thành phố giao năm 2021, các quận, huyện, thị xã bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương và Thành phố ban hành để các đối tượng hưởng chính sách được nhận tiền hỗ trợ ngay từ những tháng đầu năm; bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp (kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng; kinh phí tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đặc thù; kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 2 và lớp 6; kinh phí thực hiện Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội;...).

2.3. Bố trí dự phòng ngân sách: thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và không thấp hơn mức dự phòng đã được Thành phố giao để chủ động thực hiện phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

2.4. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp HĐND quận, huyện, thị xã quyết định dự toán thu cấp mình được hưởng theo chế độ quy định cao hơn mức Thành phố giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản tại xã), sau khi dành 70% số tăng thu này để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại cần ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khi xác định chắc chắn đạt được dự toán thu, UBND quận, huyện, thị xã lập phương án, báo cáo HĐND cùng cấp quyết định phân bổ để thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định, xử lý thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản theo chế độ quy định và theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố.

2.5. Các quận, huyện, thị xã giao kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án chi tiết theo Ngành kinh tế, Loại, Khoản của Mục lục Ngân sách nhà nước theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

2.6. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán hướng dẫn tại văn bản này, các quận, huyện, thị xã và đơn vị còn phải thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN.

III. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp trong năm 2021

1. Các sở, ban, ngành trên cơ sở dự toán Thành phố giao, thực hiện phân bổ dự toán đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo các đơn vị được cân đối đủ nguồn

thực hiện mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, ngân sách cấp Thành phố không bổ sung ngoài dự toán cho các sở, ban, ngành. Đồng thời, khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2021 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Thành phố giao; sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ năm 2020 chưa sử dụng hết chuyển sang; sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2021, riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% để đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2021 theo quy định.

2. Đối với các quận, huyện, thị xã

1.1. UBND các quận, huyện, thị xã khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2021 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Thành phố giao.

Khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc không bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 (không kể các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định) để thực hiện tiền lương trong năm 2021.

1.2. Nguồn thực hiện tiền lương năm 2021 của các quận, huyện, thị xã bao gồm:

- 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2020 so với dự toán năm 2020 được Thành phố giao (không kể số tăng thu các khoản sau: thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã).

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017 được Thành phố giao¹.

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể số tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 được Thành phố giao¹.

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể số tăng thu các khoản sau: thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã) dự toán năm 2020 so với dự toán năm 2019 được Thành phố giao¹.

¹ Sau khi trừ đi phần đã sử dụng bố trí tăng chi đầu tư phát triển đối với một số quận có nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư lớn theo lộ trình (theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố và Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND Thành phố).

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể số tăng thu các khoản sau: thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã) dự toán năm 2021 so với dự toán năm 2020 được Thành phố giao¹.

- 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2017 đã được cấp có thẩm quyền giao.

- 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2021 so với dự toán năm 2017 theo Quyết định giao dự toán năm 2021 của Thành phố.

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2021.

- 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2020 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2021 (nếu có).

3. Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã sau khi thực hiện các biện pháp tạo nguồn như trên mà không đủ nguồn thì ngân sách Thành phố bổ sung để đảm bảo nguồn thực hiện.

IV. Thời gian phân bổ, giao dự toán và nhập dự toán vào hệ thống Tabmis

1. Đối với các cấp ngân sách

- UBND quận, huyện, thị xã trình HĐND quận, huyện, thị xã quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận, huyện, thị xã và mức bổ sung từ ngân sách quận, huyện, thị xã cho từng xã, phường, thị trấn. UBND xã, phường, thị trấn căn cứ quyết định của UBND quận, huyện, thị xã về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình HĐND xã, phường, thị trấn quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách xã, phường, thị trấn và thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên theo từng Loại, Khoản của Mục lục NSNN, đảm bảo thời gian giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy trình, yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 44, Điều 49 và Điều 50 Luật NSNN; tổ chức việc công khai dự toán ngân sách theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách địa phương về Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên (đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi) chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi HĐND cùng cấp quyết định dự toán ngân sách theo đúng quy định.

2. Đối với đơn vị dự toán cấp I của Thành phố (sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố) và đơn vị dự toán cấp I của quận huyện (phòng, ban, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã)

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 được UBND Thành phố (đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố), UBND quận, huyện (đối với phòng, ban, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã) giao, đơn vị dự toán cấp I của các cấp ngân sách thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật NSNN, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, lưu ý một số điểm sau:

- Đơn vị dự toán cấp I của các cấp ngân sách giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C phụ lục 2 (kèm theo mẫu biểu số 48 và mẫu biểu số 49 phụ lục 1) ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, đồng thời gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

- Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cùng cấp phải thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tính chính xác, khớp đúng cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi với dự toán cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán cấp I:

a) Trường hợp phát hiện việc giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc không đúng chính sách, chế độ quy định, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán đã giao. Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi quyết định giao dự toán điều chỉnh cho cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định.

b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, xử lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, trường hợp các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của UBND cùng cấp đã giao trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I; đơn vị dự toán cấp I căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của UBND cho phép thực hiện và chỉ

được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Đối với các khoản chi thường xuyên chưa phân bổ theo đầu mối (trừ một số khoản thực hiện theo kế hoạch của Thành phố), cơ quan, đơn vị được Thành phố giao chủ trì có trách nhiệm xây dựng phương án phân bổ, thống nhất với Sở Tài chính để tham mưu UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố phân bổ, giao cho các đơn vị thực hiện. Thời gian hoàn thành phân bổ, giao cho các đơn vị đối với các nội dung nêu trên trong quý I năm 2021.

4. Việc nhập dự toán vào hệ thống Tabmis được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis và hướng dẫn của Sở Tài chính (nếu có).

V. Tổ chức quản lý, điều hành ngân sách nhà nước

1. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước

Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã khẩn trương triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm theo quy định tại Điều 55 Luật NSNN. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực thi hành; tập trung đôn đốc thu hồi vào ngân sách nhà nước năm 2021 khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế có năm tài chính khác năm dương lịch đã được gia hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; cải cách, hiện đại hóa hệ thống cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước của Thành phố theo lộ trình của Trung ương và Thành phố; sử dụng có hiệu quả quỹ nhà đất sau khi thực hiện công tác cổ phần hóa các DNNN của Thành phố; tăng cường quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa còn vốn nhà nước; xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Các sở, ngành khẩn trương đề xuất, gửi Cục Thuế rà soát, tổng hợp danh mục các loại phí và mức điều chỉnh hoặc tỷ lệ điều chỉnh các loại phí được quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội

do các đơn vị đề xuất; xây dựng Đề án ban hành các loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố để tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố thông qua theo Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 05/11/2020 của UBND Thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

- Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt việc xử lý nợ thuế theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý.

- Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường quản lý thu, mở rộng cơ sở thuế, cải cách, hiện đại hóa ngành thuế. Đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, điều hành hoàn thuế giá trị gia tăng trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2021; đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước. Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm

theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đầu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

- Không hạch toán các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước. Chỉ thực hiện nộp ngân sách đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 6084/BTC-NSNN ngày 25/5/2018 và UBND Thành phố tại văn bản số 2856/UBND-KT ngày 25/6/2018.

2. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

Các sở, ban, ngành, UBND các cấp và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó lưu ý:

- Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi:

+ Đối với vốn cấp phát từ ngân sách trung ương: trường hợp trong năm phát sinh khoản vay mới hoặc có nhu cầu bổ sung dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi, kịp thời báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Đối với vốn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách của ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định và kế hoạch đầu tư công năm 2021 UBND Thành phố giao.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án, công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chống biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2021 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

- Đối với các quận, huyện, thị xã nếu có nhu cầu chi các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, các quận, huyện, thị xã báo cáo UBND Thành phố để xem xét, quyết định phương án xử lý.

- Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các quận, huyện, thị xã cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, định kỳ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 hàng tháng (*theo biểu mẫu tại Phụ lục số 4 kèm theo*)

- Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kết luận số 17-KL/TW ngày 11/09/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021; các kế hoạch của Thành ủy: số 70-KH/TU ngày 25/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn và Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải nghỉ công tác do thực hiện sắp xếp đơn

vị hành chính cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố phải nghỉ công tác do thực hiện Đề án số 21-ĐA/TU ngày 16/9/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy và một số chức danh ở thôn, tổ dân phố nghỉ công tác do sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Đề án tiếp tục kiện toàn thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối với các quận, huyện, thị xã, phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập, được sử dụng theo nguyên tắc: (i) 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương theo quy định; (ii) 50% còn lại để ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do Thành phố ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật NSNN. Kết thúc năm, chậm nhất trước ngày 31/01/2022, các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo gửi Sở Tài chính kết quả thực hiện phân ngân sách nhà nước giảm chi (chi tiết các nội dung) theo quy định tại điểm này *(theo các Phụ lục 5a, 5b, 5c, 5d, 5e, 5g kèm theo)*. *Đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp chung về chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo Phụ lục 5a.*

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù thuộc thẩm quyền theo Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 05/11/2020 của UBND Thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội; trong đó, các quận, huyện, thị xã trình HĐND cùng cấp quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2021 của cấp mình để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu đảm bảo đúng quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách để triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, từ ngày 01/7/2021 các phường trên địa bàn thành phố Hà Nội sẽ chuyển từ cấp ngân sách sang đơn vị dự toán thuộc quận, thị xã. Do đó, các quận, thị xã cần chủ động nghiên cứu Nghị quyết số 97/2019/QH14, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể triển khai ngay công tác tài chính, ngân sách khi thí điểm mô hình chính quyền đô thị góp phần đảm bảo hoạt động của UBND phường được kịp thời, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

3. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

3.1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán ngân sách để chi theo chế độ quy định và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

- Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước. Các đơn vị tổ chức thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương theo quy định tại Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước Hà Nội phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

- Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện; đảm bảo việc chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

3.2. Thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, trong đó:

a) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan tài chính cấp dưới chủ động rút dự toán tại Kho bạc nhà nước đồng cấp để đảm bảo cân đối ngân sách cấp mình; riêng ngân sách cấp xã rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Đối với bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố cho ngân sách quận, huyện, thị xã, mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, UBND quận, huyện, thị xã phải có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định.

Căn cứ giấy rút dự toán ngân sách của cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu của Bộ Tài chính); Kho bạc nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các điều kiện: đã có trong dự toán được giao, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung khoản bổ sung và Mục lục ngân sách nhà nước.

Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung ngân sách năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

b) Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố cho ngân sách quận, huyện, thị xã: Các quận, huyện, thị xã thực hiện rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố theo tiến độ, khả năng triển khai các nhiệm vụ của quận, huyện, thị xã và khả năng cân đối nguồn thu ngân sách Thành phố. Căn cứ dự toán giao, số vốn được tạm ứng theo chế độ và tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ (bao gồm cả vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp) do chủ đầu tư (hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ) báo cáo; tham khảo kết quả thanh toán chi trả hàng tháng do cơ quan Kho bạc nhà nước nơi giao dịch gửi cơ quan Tài chính; Cơ quan Tài chính tổng hợp nhu cầu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới kèm giấy rút dự toán (theo mẫu của Bộ Tài chính) gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để rút vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới. Mức rút tối đa bằng dự toán giao cho chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao.

Cơ quan Tài chính chịu trách nhiệm về mức đề nghị rút vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao; trường hợp rút kinh phí để sử dụng không đúng mục tiêu hoặc đúng mục tiêu nhưng không sử dụng hết phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

Việc thanh toán, chi trả cho các chủ đầu tư và cho các đối tượng thụ hưởng các chính sách, chế độ (kinh phí sự nghiệp) từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cấp trên tình hình thực hiện kinh phí ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ. Trường hợp địa phương không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng và đầy đủ theo quy định, cơ quan tài chính sẽ tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cho địa phương cho đến khi địa phương có báo cáo đầy đủ.

c) Đối với các đơn vị khối an ninh, quốc phòng được ngân sách Thành phố giao dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương bao gồm: Công an Thành phố Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thực hiện chi ngân sách theo hình thức rút dự toán tại cơ quan kho bạc nhà nước theo quy định (trừ các khoản thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền quy định tại các Thông tư số 342/2016/TT-BTC, số 55/2017/TT-BTC, số 369/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Đối với các Hội có tính chất đặc thù được ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí hàng năm thực hiện chi ngân sách theo hình thức rút dự toán tại cơ quan Kho bạc Nhà nước theo quy định.

3.3. Thực hiện cấp bằng hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính

Các nhiệm vụ chi bằng lệnh chi tiền được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

+ Trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao từ đầu năm hoặc bổ sung trong quá trình điều hành.

- + Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.
- + Đầy đủ các hồ sơ, chứng từ theo chế độ quy định.
- + Có văn bản đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách đối với những trường hợp chế độ quản lý chi ngân sách có yêu cầu.

Khi nhận được hồ sơ đề nghị chi của đơn vị, trong vòng 05 ngày làm việc cơ quan tài chính kiểm tra, xem xét đủ các điều kiện chi theo quy định và lập lệnh chi tiền trên hệ thống Tabmis (ngân sách Thành phố do Sở Tài chính nhập, ngân sách cấp huyện do Phòng Tài chính - Kế hoạch nhập). Kho bạc nhà nước trong phạm vi 02 ngày làm việc có trách nhiệm in Lệnh chi tiền phục hồi từ hệ thống và thực hiện thanh toán cho đơn vị thụ hưởng ngân sách theo đúng nội dung ghi trên lệnh chi tiền và đúng chế độ quy định. Riêng lệnh chi tiền của ngân sách xã do Ủy ban nhân dân xã gửi bản giấy đến Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp thanh toán, nhưng để đảm bảo yêu cầu về tính chất và tiến độ công việc, cơ quan tài chính thực hiện tạm cấp theo chế độ quy định, hoặc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với các nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách).

Đối với các cơ quan Đảng, việc cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền được thực hiện theo văn bản riêng.

4. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

- Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

- Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại.

- Trường hợp điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên, điều chỉnh nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của UBND các cấp, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

- Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15/11/2021, các đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và điều chỉnh trên hệ thống Tabmis theo quy định.

- Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

- Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước. Việc xử lý kết dư ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước.

5. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau:

Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

VI. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Đồng thời, xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

VII. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước

- Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với những huyện đã có Trang/Cổng thông tin điện tử) lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- + Dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân.
- + Dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân quyết định.
- + Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương trong năm (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm).
- + Quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn.
- + Tổng hợp tình hình công khai.

- Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017.

- Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/03/2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư.

- Tăng mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2021. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để được nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Cục Thuế, KBNN Hà Nội (để phối hợp);
- Các phòng TC-KH quận, huyện, thị xã;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các đ/c trong BGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Website Sở Tài chính (để đưa tin);
- Lưu VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Thiết

SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(ĐV)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH ⁽¹⁾

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm

GIÁM ĐỐC SỞ

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân về giao dự toán ngân sách nhà nước năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở... theo phụ lục⁽²⁾ đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Sở Tài chính⁽³⁾;
- KBNN tỉnh (thành phố)⁽⁴⁾;
- Đơn vị sử dụng ngân sách⁽⁵⁾;
- KBNN nơi giao dịch⁽⁵⁾ (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu

Ghi chú

(1) Áp dụng cho các sở, ban, ngành Thành phố;

(2), (3): Theo các phụ lục số 3a, 3b kèm theo Hướng dẫn này.

(4) Theo phụ lục số 3b kèm theo Hướng dẫn này.

(5) Theo phụ lục số 3a kèm theo Hướng dẫn này.

PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(ĐV)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH⁽¹⁾

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm

TRƯỞNG PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân về giao dự toán ngân sách nhà nước năm

- Căn cứ ý kiến của Phòng Tài chính tại văn bản số ngày..... về phương án phân bổ ngân sách năm....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng... theo phụ lục⁽²⁾ đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính⁽³⁾ ...;
- KBNN huyện⁽⁴⁾ (thị xã,...);
- Đơn vị sử dụng ngân sách⁽⁵⁾;
- Lưu

Ghi chú:

(1) Phụ lục này áp dụng cho các phòng, ban thuộc cấp huyện;

(2), (3) Theo các phụ lục số 3a, 3b kèm theo Hướng dẫn này.

(4) Theo phụ lục số 3b kèm theo Hướng dẫn này.

(5) Theo phụ lục số 3a kèm theo Hướng dẫn này.

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....

Phụ lục số 3a

Chương:.....

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo Phụ lục số 1 hoặc 2) số:..... của.....)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		

3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	

9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		

Ghi chú:

(1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....

Phụ lục số 3b

Chương:.....

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

(Kèm theo quyết định (theo Phụ lục số 1 hoặc 2) số: của)
Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính (Phòng Tài chính), kho bạc nhà nước tỉnh (kho bạc nhà nước huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị
A	B	1	2	3	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				

3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
					
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao			Kinh phí đã phân bổ	Kinh phí chưa phân bổ	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ thực hiện		Lý do chưa thẩm tra phân bổ/ Lý do giải ngân thấp
		Tổng cộng	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh bổ sung				So với dự toán đầu năm	So với dự toán sau điều chỉnh bổ sung	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=1-4	6	7=6/2	8=6/1	9
1	Đơn vị									
1.1	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí									
a	Số thu phí, lệ phí									
-	Lệ phí									
										
-	Phí									
										
b	Chi từ nguồn thu phí được để lại									
a.1	Chi quản lý hành chính									
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									
	Trong đó: Dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 theo quy định									
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									
b.1	Chi sự nghiệp									
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Trong đó: Dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 theo quy định									
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
c	Số phí, lệ phí nộp NSNN									
-	Lệ phí									
	...									
-	Phí									
	...									
1.2	Dự toán chi ngân sách nhà nước									
a	Chi quản lý hành chính									
a.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, BHTN...)									
	Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (1)									
*	Chi khác ngoài lương									
	Trong đó: 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương									
a.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									
*	Chi nghiệp vụ									
-	...									
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)									
*	Chi cải tạo, sửa chữa CXC các công trình (theo danh mục đính kèm)									
b	Chi sự nghiệp									
b.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Trong đó:									
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương									

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao			Kinh phí đã phân bổ	Kinh phí chưa phân bổ	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ thực hiện		Lý do chưa thẩm tra phân bổ/ Lý do giải ngân thấp
		Tổng cộng	DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh bổ sung				So với dự toán đầu năm	So với dự toán sau điều chỉnh bổ sung	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=1-4	6	7=6/2	8=6/1	9
	- 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương									
b.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
*	Chi nghiệp vụ									
-	...									
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)									
*	Chi cải tạo, sửa chữa CXC các công trình (theo danh mục đính kèm)									
*	Chi khảo sát, quy hoạch									
c	Nghiên cứu khoa học									
c.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
c.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
	Trong đó:									
	- Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương									
	- 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương									
c.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
*	Chi nghiệp vụ									
-	...									
*	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)									
*	Chi cải tạo, sửa chữa CXC các công trình (theo danh mục đính kèm)									

BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NSNN BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIỆN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

Tổng số (1+2)				1. Khối hành chính, Đảng, đoàn thể, xã, phường				Trong đó:																2. Khối đơn vị sự nghiệp công lập				Chi tiết: (*)							
Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN bố trí thực hiện TGBC	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Quản lý nhà nước				Khối Đảng				Đoàn thể				Khối xã, phường				Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Lĩnh vực giáo dục - Đào tạo		Lĩnh vực y tế		Lĩnh vực khoa học công nghệ		Lĩnh vực	
								Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN	Biên chế cấp có thẩm quyền giao	Biên chế có mặt	Biên chế tinh giản	Kinh phí NSNN					Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN	Số đối tượng tinh giản	Kinh phí NSNN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36

Ghi chú: (*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương
 - Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã

Phụ lục số 5b

SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY VÀ TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ KHỞI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 18-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

Tổng kinh phí giảm	1. Khởi hành chính, Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi	Gồm:		
	Số lượng đơn vị tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do sắp xếp ĐVHC so với năm trước	Số lượng biên chế tăng, giảm so với năm trước	Giảm chi NSNN do giảm biên chế so với năm trước		Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
<i>1=3+5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8+9</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

Ghi chú: (Cột 3) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp đơn vị hành chính.

(Cột 5) Gồm: (i) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp x thời gian thực tế tính giảm); (ii) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm x với định mức hoạt động/biên chế x thời gian thực tế tính giảm).

Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã

Phụ lục số 5c

SỐ LIỆU VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH, TĂNG NGUỒN THU SỰ NGHIỆP, GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ NÂNG MỨC ĐỘ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW, 19-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

S T T	Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập	Giảm chi do tính giản biên chế và nâng mức độ tự chủ			Trong đó theo các lĩnh vực (*):												Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	Gồm:		
					1. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo			2. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			3. Lĩnh vực Y tế			4. Lĩnh vực ...				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)		16=17+18+19	17	18
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=17+18+19	17	18	19
1	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																			
2	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên																			
4	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																			

Ghi chú: Số giảm chi NSNN cấp so với năm trước = Kinh phí NSNN cấp năm hiện hành trừ đi (-) Kinh phí NSNN cấp năm trước -Kinh phí tăng lương cơ sở (nếu có)

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

**SỐ LIỆU GIẢM CHI NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP BỘ MÁY CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

S T T	Lĩnh vực sự nghiệp công lập (*)	Giải chi do thay đổi sắp xếp bộ máy			Trong đó:									Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng)	Gồm:		
					Số đơn vị sáp nhập			Số đơn vị giải thể			Số đơn vị chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp				Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở	Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách ASXH do địa phương ban hành	Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng
		Tổng số đơn vị thay đổi sắp xếp bộ máy	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm so với năm trước	Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)	Số đơn vị	Số biên chế giảm	Giảm Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng)				
A	B	1=4+7+10	2=5+8+11	3=6+9+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																
3	Lĩnh vực y tế																
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và DL																
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																

Ghi chú: (1) Đối với ĐVSNNCL sáp nhập: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNNCL sau khi sáp nhập trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho các ĐVSNNCL trước khi sáp nhập

(2) Đối với ĐVSNNCL chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Số giảm chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNNCL trước khi chuyển đổi mô hình trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho công ty sau khi chuyển đổi.

(3) Đối với ĐVSNNCL giải thể: Số giảm chi NSNN = số kinh phí NSNN đã cấp trước khi giải thể

(*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)

Phụ lục số 5e

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)																									
S T T	Lĩnh vực sự nghiệp (*)	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó Số lượng ĐVSN được giao tự chủ theo ND 43	Số lượng lao động			Nguồn tài chính (triệu đồng)							Huy động vốn (triệu đồng)					Tổng kinh phí chi trả Thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					
				Tổng số người lao động	Trong đó số biên chế được giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng)	Tổng cộng	Tổng số	Nguồn thu sự nghiệp		Nguồn NSNN cấp chi hoạt động sự nghiệp			Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn liên kết với các đơn vị khác		Tổng cộng	Quỹ phát triển sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)	
									Nguồn thu phí, lệ phí	Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp khác	Tổng số	Chi thường xuyên													Chi không thường xuyên
												Tổng	Trong đó: Chi lương												
A	B	1	1a	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13=14+15+16+17	14	15	16	17	18	19=20+21+22+23	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																								
I	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
II	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
...	Lĩnh vực ...																								
IV	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
...	Lĩnh vực ...																								

Lưu ý: () Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số 8543/STC-QLNS ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính Hà Nội)

S T T	Lĩnh vực sự nghiệp (*)	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó ĐVSN được giao tự chủ theo ND 43	Số lượng động			Nguồn tài chính (triệu đồng)							Huy động vốn (triệu đồng)					Tổng kinh phí chi trả Thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					
				Tổng số người lao động	Trong đó số biên chế được giao	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng)	Tổng cộng	Tổng số	Nguồn thu sự nghiệp		Nguồn NSNN cấp chi hoạt động sự nghiệp			Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Vốn liên kết với các đơn vị khác		Tổng cộng	Quỹ phát triển sự nghiệp	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác (nếu có)	
									Nguồn thu phí, lệ phí	Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp khác	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên												
A	B	1	1a	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13=14+15+16+17	14	15	16	17	18	19=20+21+22+23	20	21	22	23
	TỔNG SỐ																								
I	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
II	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
3	Lĩnh vực y tế																								
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí																								
5	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																								
6	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác																								
7	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																								
8	Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương																								
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
...	Lĩnh vực ...																								
IV	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên																								
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																								
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																								
...	Lĩnh vực ...																								

Lưu ý: () Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.

- Báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện)